

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Trần Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	0985025667	hongminh6165@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
2	Bùi Thị Thu Thủy	Thạc sĩ	0369018018	thuthuycdsp@bacninh.edu.vn	Tổ MN, Khoa GD TH – MN	VPK TH - MN
3	Lưu Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	0976929187	thanhhuong.bn99@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH – MN	VPK TH - MN
4	Vũ Thị Ánh Ngọc	Thạc sĩ	0985133838	ducngoc1402@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
5	Nguyễn Thị Dư	Thạc sĩ	0945353459	ntd.cdspbn@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
6	Trịnh Thị Ngà	Thạc sĩ	0989129215	trinhngaspbn@gmail.com	Cơ sở MN Hoa Phượng	VPK TH - MN
7	Nguyễn Thị Nhung	Thạc sĩ	0942522616	nguyenthinhung@cdspbacni nh.edu.vn	Phòng Đào tạo	Tầng 1, nhà D

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON
- Mã học phần: MN.MN.CN.02
- Số tín chỉ: 04
- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non Bậc đào tạo: Cao đẳng Hình thức đào tạo: Chính quy, VHVL, liên thông
- Các học phần tiên quyết: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Sự phát triển thể trẻ em lứa tuổi mầm non.
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Lên lớp: 40

+ Thực hành: 40

+ Sinh viên tự học: 160

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Tổ GDMN, Khoa GD TH-MN

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Sinh viên (SV) trình bày được đặc điểm tâm sinh lí của trẻ, vị trí, vai trò của tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.

- Sinh viên phân tích được nội dung, phương pháp hướng dẫn các loại trò chơi cho trẻ ở trường mầm non. Từ đó lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức phù hợp với trẻ, với đặc điểm tình hình trường, lớp, địa phương trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.

- Lập kế hoạch, tổ chức và phát triển chương trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non và biết vận dụng một số phương pháp giáo dục sớm tiên tiến trên thế giới vào quá trình tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ.

- Phân tích được các bước, qui trình đánh giá và đánh giá được sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi và công tác tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên ở trường mầm non.

3.2. Kỹ năng

- Sinh viên lập được kế hoạch và tổ chức được các hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.

- Thực hành, tổ chức được các trò chơi, các hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.

- Vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các nguyên tắc và phương pháp, hình thức khi tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. Ứng dụng được các phương pháp giáo dục sớm, phát triển tư duy logic, toán học vào tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ từ đó phát hiện phân loại được trẻ đặc biệt, trẻ bình thường, trẻ có khả năng vượt trội...

- Có kỹ năng tự tạo ra một số đồ dùng, đồ chơi và các bài thơ, câu chuyện sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên ở trường mầm non.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- NL1: Có thái độ đúng đắn về học phần, biểu hiện bằng thái độ học tập, tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo và nắm được các yêu cầu cần đạt của học phần. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao.

- NL2: Nhận thức được vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề trong quá trình học tập.

- NL3: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học khi tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non, có tinh thần học tập nâng cao trình độ phục vụ chuyên môn nghiệp vụ. Có trách nhiệm với nghề: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề; rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

- KT1: Nắm chắc đặc điểm vui chơi của trẻ mầm non. (KTCN1)
- KT2: Xây dựng, tổ chức thực hiện và phát triển chương trình hoạt động vui chơi của trẻ mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tiếp cận được và triển khai các phương pháp giáo dục sớm, tiên tiến trên thế giới vào các hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non. (KTCN2, KTCN6)
- KT3: Lựa chọn được những nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, các hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ và điều kiện lớp, trường, địa phương, theo nguyên tắc “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” (KTCN3)
- KT4: Tổ chức và quản lý được nhóm/lớp mầm non.
- KT5: Đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi và đánh giá công tác tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên (KTCN5)
- KT6: Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thông qua hoạt động vui chơi. (KTCN8)
- KT7: Phối hợp được với các cá nhân (phụ huynh) đơn vị khác ngoài nhà trường cùng thực hiện chương trình hoạt động vui chơi nhằm phát triển toàn diện cho trẻ. (KTCN9)
- KT8: Thể hiện được ứng dụng công nghệ thông tin, khả năng nghệ thuật của mình trong tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

- KNC1: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh, phát triển chương trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ và điều kiện thực tế. (KNC10)
- KNC2: Quản lý nhóm/lớp mầm non. (KNC3)

- KNC3: Phân tích, đánh giá, xử lý các vấn đề và tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. Giao tiếp, ứng xử phù hợp với trẻ. (KNC4)

- KNC4: Tiếp cận, khai thác và ứng dụng khoa học giáo dục/kỹ thuật, phương tiện, thiết bị vào quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. (KNC5)

- KNC5: Quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ, phối hợp với cha mẹ/người giám hộ trẻ và cộng đồng để nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. Có năng lực đánh giá ngoài tại cơ sở giáo dục mầm non. (KNC6)

4.2.2. Về kỹ năng mềm (KNM)

- KNM1: Hợp tác, giao tiếp, ứng xử phù hợp với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng. (KNM1)

- KNM2: Phát hiện và hòa nhập trẻ khuyết tật tại nhóm/lớp mầm non trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. (KNM2)

- KNM3: Lập kế hoạch, tổ chức lồng ghép giáo dục sớm và phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non thông qua hoạt động vui chơi. (KNM3)

- KNM4: Tổ chức, sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi trang trí lớp học, góc hoạt động. (KNM4)

- KNM5: Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động vui chơi mang tính trải nghiệm cho trẻ mầm non. (KNM5)

- KNM6: Sáng tác các bài hát, bài thơ, câu chuyện phù hợp với các hoạt động vui chơi của trẻ mầm non. (KNM9)

- KNM7: Có khả năng tiếp cận các phương pháp chăm sóc, giáo dục mới, hiện đại và ứng dụng vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ. (KNM10)

- KNM8: Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường. (KNM11)

- KNM9: Tự học, tự nghiên cứu. (KNM12)

4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

NL1: Có thái độ đúng đắn về học phần, biểu hiện bằng thái độ học tập, tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo và nắm được các yêu cầu cần đạt của học phần. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao.

NL2: Nhận thức được vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề trong quá trình học tập.

- + Sưu tầm tài liệu liên quan đến học phần
- + Đọc, nghiên cứu, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giảng viên
- + Chuẩn bị đầy đủ giáo trình; phương tiện tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi.
- + Lập kế hoạch học tập nâng cao kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn
- + Dự giờ thực tế bộ môn đúng thời gian, địa điểm theo hướng dẫn của giảng viên
- + Nộp bài kiểm tra, bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

- Yêu cầu giảng viên

- + Đầy đủ hồ sơ chuyên môn khi lên lớp
- + Cung cấp Đề cương chi tiết cho sinh viên buổi đầu lên lớp
- + Cung cấp Đề cương bài giảng cho sinh viên (nếu học phần chưa có giáo trình)

7. Cấu trúc, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Hình thức tổ chức dạy - học		
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị, tự học
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI Ở TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Vị trí của hoạt động vui chơi ở trường mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	Lí thuyết 1		Nghiên cứu tài liệu {1,3} phần 1.5.4 - trang 22 1. Tìm hiểu mục tiêu, nội dung chương trình học phần “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non” - Nghiên cứu phân mục tiêu và nội dung trong đề
2	1.2. Vai trò của giáo viên đối với hoạt động vui chơi ở trường Mầm non		Lí thuyết 2		
3	1.3. Các loại đồ chơi và yêu cầu khi lựa chọn, sử dụng cho trẻ mầm non		Lí thuyết 3		

4	<p align="center">CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN CÁC LOẠI TRÒ CHƠI Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>1.1. Trò chơi giả bộ</p> <p><i>1.1.1. Đặc điểm và phương pháp hướng dẫn trò chơi giả bộ cho trẻ mầm non</i></p> <p>1.1.1.1. Đặc điểm và phương pháp hướng dẫn trò chơi phản ánh sinh hoạt cho trẻ nhà trẻ</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	Lí thuyết 4		cương môn học “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non”
5	1.1.1.2. Đặc điểm và phương pháp hướng dẫn trò chơi đóng vai theo chủ đề (ĐVTCD) cho trẻ mẫu giáo	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	Lí thuyết 5		2. Thu thập tài liệu học tập - Mượn tài liệu tại thư viện, sinh viên khoá trước, giáo viên mầm non. 3. Làm việc theo nhóm: Nhóm 1: Thống kê các loại đồ chơi của trò chơi phản ánh sinh hoạt, đóng vai theo chủ đề Nhóm 2: Thống kê các loại đồ chơi của trò chơi xây dựng-lắp ghép Nhóm 3: Thống kê các loại đồ chơi của trò chơi học tập Nhóm 4: Thống kê các loại đồ chơi của trò chơi vận động Nhóm 5: Thống kê các loại đồ chơi của trò chơi dân gian Nhóm 6: Thống kê các loại đồ chơi của trò đóng kịch -
6	<p><i>1.1.2. Các loại trò chơi giả bộ ở trường mầm non</i></p> <p>1.1.2.1. Trò chơi phản ánh sinh hoạt của trẻ NT</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	Lí thuyết 6		
7	1.1.2.2. Trò chơi ĐVTCD của trẻ MG		Lí thuyết 7		
8-9	<p><i>Thực hành: Tổ chức các loại trò chơi giả bộ ở trường mầm non</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành TCPASH của trẻ Nhà trẻ - Thực hành TCĐVTCD của trẻ MG - Thực hành: Đóng vai chú cảnh sát giao thông và người tham gia giao thông 			Thực hành 1 Thực hành 2	

10	2.2. Trò chơi xây dựng - lắp ghép (XD - LG) 2.2.1. Đặc điểm và phương pháp hướng dẫn trò chơi XD - LG cho trẻ mầm non 2.2.1.1. Đặc điểm chơi trò chơi XD – LG của trẻ nhà trẻ, mẫu giáo	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	Lí thuyết 8	Thực hành 3,4	1. Suu tầm, thiết kế các trò chơi XD – LG cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo - Tham khảo về trò chơi XD-LG tài liệu (6) 2. Tìm hiểu về trò chơi học tập của trẻ mầm non - Nghiên cứu về trò chơi học tập tài liệu 1,3.
11	2.2.1.2. Phương pháp hướng dẫn trò chơi XD- LG cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo		Lí thuyết 9		
12	2.2.2. Các loại trò chơi XD - LG ở trường mầm non 2.2.2.1.Trò chơi XD - LG của trẻ nhà trẻ 2.2.2.2.Trò chơi XD-LG của trẻ mẫu giáo		Lí thuyết 10		
13-14	Thực hành các loại trò chơi XD – LG ở trường mầm non				
15	2.3. Trò chơi học tập (TCHT) 2.3.1. Khái niệm và phân loại trò chơi học tập	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	Lí thuyết 11	Thực hành 3,4	1. Thống kê chương trình các hoạt động học ở trường mầm non các lĩnh vực (cả 2 độ tuổi) - Lĩnh vực phát triển thể chất - Lĩnh vực phát triển nhận thức - Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ - Lĩnh vực phát triển tình cảm – kĩ năng xã hội - Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ
16	2.3.2. Các yếu tố của một trò chơi học tập		Lí thuyết 12		
		Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực			

		quan, thực hành, trò chơi, kể chuyện		<p>1. Thống kê chương trình học theo từng chủ đề cho từng độ tuổi:</p> <p>Hoạt động làm quen với toán, KP MTXQ, làm quen với chữ cái. Tham khảo tài liệu (6)</p> <p>Thiết kế trò chơi học tập sử dụng trong hoạt động học ở trường mầm non - Yêu cầu: + Nhóm 1: Thiết kế các TCHT sử dụng trong hoạt động làm quen với toán (4 độ tuổi) + Nhóm 2: Thiết kế các TCHT sử dụng trong hoạt động KP MTXQ (4 độ tuổi) + Nhóm 3: Thiết kế các TCHT sử dụng trong hoạt động làm quen với chữ cái (4 độ tuổi) + Nhóm 4: Thiết kế các TCHT sử dụng trong hoạt động âm nhạc(4 độ tuổi) - Tham khảo tài liệu (3).</p>
--	--	--------------------------------------	--	---

					3. Tìm hiểu về TCVD cho trẻ MN, TL 1
17	2.3.3. Thiết kế TCHT ở trường mầm non 2.3.3.1. Các nguyên tắc thiết kế TCHT		Lí thuyết 13		
18	2.3.3.2. Nội dung chương trình hoạt động học ở trường mầm non		Lí thuyết 14		
19	2.3.3.3. Thiết kế TCHT cho trẻ ở trường MN - Các bước thiết kế - Cấu trúc kế hoạch tổ chức TCHT		Lí thuyết 15		
20-21	* Thực hành: Thiết kế TCHT cho trẻ ở trường MN - TCHT cho trẻ Nhà trẻ - TCHT cho trẻ MG			Thực hành 5 Thực hành 6	
22	2.3.4. Ứng dụng TCHT vào các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 16		
23-24	2.4. Trò chơi vận động (TCVD) 2.4.1. Khái niệm và phân loại TCVD 2.4.2. Các yếu tố của một TCVD 2.4.3. Thiết kế TCVD cho trẻ ở trường mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 17 Lí thuyết 18		1. Thống kê các TCVD cho trẻ mầm non Tham khảo các TCVD tài liệu (9) trang 5- 42 2. Phân loại TCVD theo từng độ tuổi: nhà trẻ, mẫu

					giáo. Tham khảo các TCVD tài liệu (9) trang 5- 42 3. Tìm hiểu về trò chơi dân gian cho trẻ mầm non - Đọc phần trò chơi dân gian, tài liệu (1),(5)
25-26	* Thực hành: Thiết kế TCVD cho trẻ ở trường mầm non - TCVD cho trẻ Nhà trẻ - TCVD cho trẻ MG	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		Thực hành 7 Thực hành 8	
27	2.4.4. Ứng dụng TCVD vào các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành	Lí thuyết 19		
28,29	2.5. Trò chơi dân gian 2.5.1. Khái niệm 2.5.2. Đặc điểm trò chơi dân gian của trẻ em Việt Nam 2.5.3. Ý nghĩa của trò chơi dân gian Việt Nam 2.5.4. Phân loại trò chơi dân gian 2.5.5. Hướng dẫn tổ chức TCDG cho trẻ mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 20,21		Phân loại TCDG theo từng độ tuổi: nhà trẻ, mẫu giáo. Tham khảo tài liệu (5) Thực hành: Tập tổ chức trò chơi đã lập kế hoạch

30-31	* Thực hành: Tổ chức trò chơi dân gian cho trẻ lứa tuổi mầm non			Thực hành 9 Thực hành 10	
32-35	* Thực hành tổ chức các loại trò chơi ở trường MN - Nội dung: Tập tổ chức trò chơi đã lập kế hoạch	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		Thực hành 11,12,13,14	
36	* Kiểm tra định kì - Nội dung: Lập kế hoạch tổ chức trò chơi cho trẻ mầm non			Thực hành 15	
37-39	2.6. Trò chơi đóng kịch (TCDK) 2.6.1. Khái niệm 2.6.2. Xây dựng kịch bản TCDK 2.6.3. Các bước tiến hành tổ chức TCDK 2.6.3.1. Chuẩn bị 2.6.3.2. Hướng dẫn	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 22, 23, 24		1.Thống kê truyện kể cho trẻ MG theo chủ đề, lứa tuổi. Nghiên cứu phân phối chương trình hoạt động cho trẻ làm quen với văn học ở trường mầm non 2. Xây dựng kịch bản 1 TCDK cho trẻ 5-6 tuổi. Nghiên cứu về TCDK tài liệu 1,3
40-41	Thực hành: Xây dựng kịch bản TCDK cho trẻ mẫu giáo	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		Thực hành 16, 17	
42	CHƯƠNG 3: HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI Ở TRƯỜNG MẦM NON	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo	Lí thuyết 25		1. Lựa chọn trò chơi phù hợp thời điểm đón trẻ, chơi chuyên tiếp,

	3.1. Tổ chức vui chơi trong thời gian đón trẻ 3.1.1. Mục đích 3.1.2. Nội dung	luận nhóm, trực quan, thực hành.			giờ sinh hoạt chiều, trả trẻ. - Nghiên cứu “Kế hoạch tuần theo từng chủ đề của GVMN”.
43	3.1.3. Hướng dẫn thiết kế và tổ chức các trò chơi sử dụng trong thời gian đón trẻ	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		Thực hành 18	Tìm hiểu các trò chơi trong tài liệu (7)
44	3.2. Tổ chức chơi chuyển tiếp giữa các hoạt động trong ngày 3.2.1. Mục đích 3.2.2. Nội dung 3.2.3. Hướng dẫn thiết kế và tổ chức các trò chơi sử dụng trong thời gian hoạt động chuyển tiếp	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		Thực hành 19	2. Tìm hiểu về HĐVC theo góc ở trường mầm non - Tìm hiểu về HĐVC theo góc, tài liệu 1,3
45	3.3. Tổ chức chơi trong giờ sinh hoạt chiều 3.3.1. Mục đích 3.3.2. Nội dung 3.3.3. Hướng dẫn thiết kế và tổ chức các trò chơi sử dụng trong thời gian sinh hoạt chiều	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 26		
46	3.4. Tổ chức chơi trong giờ trả trẻ 3.4.1. Mục đích 3.4.2. Nội dung 3.4.3. Hướng dẫn thiết kế và tổ chức các trò chơi sử dụng trong thời gian trả trẻ			Thực hành 20	
47,78	3.5. Hoạt động vui chơi theo góc	Phương pháp	Lí thuyết		1. Lựa chọn nội dung

	3.5.1. Nội dung hoạt động vui chơi theo góc - Góc học tập - Góc nghệ thuật - Góc phân vai - Góc xây dựng - Góc ATGT	thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	27,28		hoạt động góc phù hợp từng chủ đề, độ tuổi 2. Lập kế hoạch tổ chức HĐVC theo góc ở trường MN (Chủ đề, độ tuổi, nội dung tự chọn) - Tham khảo HDG, HDNT tài liệu (8)
49	3.5.2. Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động góc	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 29		Hoàn thiện kế hoạch TC HĐVC theo góc ở trường MN. Tham khảo HDG, HDNT tài liệu (8)
50-51	3.5.3. Thực hành sửa kế hoạch hoạt động góc - Nội dung: Lập kế hoạch hoạt động góc (Chủ đề, nội dung, lứa tuổi tự chọn – lưu ý có lồng ghép nội dung ATGT)			Thực hành 21, 22	khảo HDG, HDNT tài liệu (8)
52,53	3.6. Hoạt động vui chơi ngoài trời 3.6.1. Nội dung hoạt động ngoài trời ở trường mầm non - HĐ có chủ đích (Theo chủ đề, bé tham gia giao thông) - Trò chơi vận động (Di chuyển theo tín hiệu giao thông...) - Chơi tự do	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 30,31		1. Lựa chọn nội dung chơi ngoài trời theo từng chủ đề ở trường mầm non 2. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ngoài trời (Chủ đề, nội dung, độ tuổi tự chọn) - Sưu tầm các kế hoạch mẫu
54	3.6.2. Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động	Phương pháp	Lí thuyết		

	vui chơi ngoài trời	thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	32		về HĐVC NT của GVMN - Xem kế hoạch giảng dạy phần HĐVC NT của GVMN - Tìm hiểu kế hoạch về HĐVC NT trong tài liệu (8)
55-56	3.6.3. Thực hành sửa kế hoạch hoạt động ngoài trời ngoài trời - Nội dung: lập kế hoạch hoạt động vui chơi ngoài trời ở trường mầm non (Chủ đề, nội dung, lứa tuổi tự chọn)			Thực hành 23, 24	
57-64	* Dự giờ ở trường mầm non - Nội dung: + Dự giờ tổ chức hoạt động vui chơi theo góc; hoạt động vui chơi ngoài trời cho trẻ nhà trẻ + Dự giờ tổ chức hoạt động vui chơi theo góc; hoạt động vui chơi ngoài trời cho trẻ MG	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		Thực hành 25 - 32	Viết nhận xét sau khi dự giờ ở trường mầm non về: - Thời điểm thực hiện hoạt động vui chơi - Cách lựa chọn nội dung chơi - Sự chuẩn bị, cách tiến hành
65	* Kiểm tra định kì - Nội dung: Lập KH tổ chức hoạt động: + Hoạt động góc: + Hoạt động ngoài trời:			Thực hành 33	- Quan sát, ghi chép - Viết bài thu hoạch - Đánh giá - Chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra định kì
66-69	Thực hành tổ chức hoạt động - Nội dung: + Hoạt động góc: + Hoạt động ngoài trời: - Hình thức:			Thực hành 34 - 37	- SV lập kế hoạch - Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện giảng dạy - Tập giảng cá nhân, theo nhóm

	+ Giảng trên trẻ giả định + Trẻ tại CSMNHP				- Tìm hiểu các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới từ nhiều nguồn khác nhau - Nếu giảng trên trẻ tại CSMNHP phải có kế hoạch và liên hệ để làm quen và rèn trẻ trước ít nhất 1 tuần
70	CHƯƠNG 4: ỨNG DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC SỚM VÀO TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 4.1. Phương pháp Montessori 4.1.1. Những vấn đề lí luận cơ bản về phương pháp Montessori	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 33		1. Tiếp tục tìm hiểu các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới và ứng dụng các phương pháp đó vào tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non
71	4.1.2. Vận dụng phương pháp Montessori vào tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non 4.1.2.1. Hoạt động góc 4.1.2.2. Hoạt động ngoài trời	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 34		2. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động góc, hoạt động vui chơi ngoài trời (Chủ đề, nội dung, độ tuổi tự chọn)
72	4.2. Phương pháp Steam 4.2.1. Những vấn đề lí luận cơ bản về phương pháp Steam 4.2.2. Vận dụng phương pháp Steam vào tổ	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực	Lí thuyết 35		có ứng dụng các phương pháp giáo dục sớm. - Su rừ tâm các tài liệu, video clip hướng

	<p>chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non</p> <p>4.2.2.1. Hoạt động góc</p> <p>4.2.2.2. Hoạt động ngoài trời</p>	quan, thực hành.			<p>đẫn, bài giảng của các trường mầm non áp dụng phương pháp giáo dục sớm ở trên mạng xã hội</p>
73	<p>4.3. Phương pháp Gabe và Glenn Doman</p> <p>4.3.1. Những vấn đề lí luận cơ bản về phương pháp Gabe và Glenn Doman</p> <p>4.3.2. Vận dụng phương pháp Gabe và Glenn Doman vào tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.</p>	Lí thuyết 36		<p>Tìm hiểu về nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua HĐVC (Nghiên cứu nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ tại TL 1,3</p>
74	<p>4.4. Phương pháp Reggio Emilia và Steiner</p> <p>4.4.1. Những vấn đề lí luận cơ bản về phương pháp Reggio Emilia và Steiner</p> <p>4.4.2. Vận dụng phương pháp Reggio Emilia và Steiner vào tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.</p>	Lí thuyết 37		
75 - 76	<p>Thảo luận – Thực hành</p> <p>- Nội dung: Thảo luận về các phương pháp giáo dục sớm.</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.</p>		Thực hành 38,39	
77	<p>CHƯƠNG 5: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>5.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ thông</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo</p>	Lí thuyết 38		<p>1. Tìm hiểu về nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua</p>

	qua hoạt động vui chơi 5.1.1. Mục đích, ý nghĩa 5.1.2. Nội dung đánh giá	luận nhóm, trực quan, thực hành.			hoạt động vui chơi 2. Xây dựng phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần
78	5.1.3. Phương pháp đánh giá 5.1.4. Hình thức đánh giá	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 39		
79	5.2. Đánh giá kết quả tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non 5.2.1. Mục đích đánh giá 5.2.2. Nội dung đánh giá	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.	Lí thuyết 40		
80	Thực hành: - Nội dung: 1. Thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua HĐVC 2. Thiết kế phiếu đánh giá kết quả tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành.		Thực hành 40	

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

a. Tài liệu chính:

[1]. Vũ Thị Ánh Ngọc, Lưu Thị Thanh Hương, Trịnh Thị Nga (2022), Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non, Đề cương bài giảng.

b. Tài liệu tham khảo:

[2]. Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non

[3]. Trịnh Thị Nga (2016), Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non. Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non. NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]. Nguyễn Thị Hòa (2013), Giáo dục học mầm non, NXB ĐHSPHN.

[5]. Nguyễn Thị Hòa (2007), Phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trong trò chơi học tập, NXB ĐHSP Hà Nội.

[6]. PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thu Hương (2019), Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3 - 36 tháng, 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi), NXB Giáo dục Việt Nam.

[7]. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2019), Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non từ lọt lòng đến 6 tuổi, NXB ĐHSP.

[8]. Đinh Văn Vang (2016), Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non - dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non, NXBGD.

[9]. Vũ Thị Ánh Ngọc, Nguyễn Thị Huệ, Trần Thúy Hằng, Vương Thị Thanh Thủy, Lại Thị Hằng, Phan Thị Ngân, Phạm Thị Hải, Nguyễn Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Dung (2022), Phương pháp giảng dạy kỹ năng sống cho trẻ mầm non – dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non, NXBHN.

[10]. Bùi Thị Thu Thủy - Phùng Thị Hiền (2022), Tài liệu bồi dưỡng kiến thức: " Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo qua trò chơi đóng vai theo chủ đề", NXB Văn hóa dân tộc.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):* là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm
- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm

* *Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):*

- Hình thức thi: Thực hành
- Thời gian:

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thương

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023
TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Ngọc

PHỤ LỤC 1

MA TRẬN LIÊN KẾT MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
3. Mã ngành: 51140201
4. Loại hình đào tạo: Chính quy, VLVH, liên thông

5. Thời gian đào tạo: 3 năm
- Học phần: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non
- Trưởng môn (Kí, ghi rõ họ và tên):.....

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong Học phần
1. Phẩm chất	1.1.Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	x
		1.1.2	x
		1.1.3	x
		1.1.4	x
	1.2.Mến trẻ	1.2.1	x
		1.2.2	x
		1.2.3	x
	1.3.Yêu nghề	1.3.1	x
		1.3.2	x
		1.3.3	x
	1.4.Trung thực	1.4.1	x
		1.4.2	x
		1.4.3	x
	1.5.Trách nhiệm	1.5.1	x
		1.5.2	x
		1.5.3	x
		1.5.4	x
		1.5.5	x
	1.6.Tự học	1.6.1	x

		1.6.2	x
		1.6.3	x
2. Năng lực chung	2.1.Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	2.1.1	x
		2.1.2	x
		2.1.3	x
		2.1.4	x
		2.1.5	x
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	x
		2.2.2	x
		2.2.3	x
		2.2.4	x
		2.2.5	x
		2.2.6	x
		2.2.7	x
	2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	x
		2.3.2	x
		2.3.3	
	2.4.Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1	x
		2.4.2	x
		2.4.3	x
		2.4.4	x
2.4.5		x	
2.4.6		x	

	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	x
		2.5.2	x
		2.5.3	x
	2.6. Năng lực phản biện	2.6.1	x
		2.6.2	x
		2.6.3	x
3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	x
		3.1.2	x
		3.1.3	x
		3.1.4	x
		3.1.5	x
		3.1.6	x
		3.1.7	x
		3.1.8	x
		3.1.9	x
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	x
		3.2.2	x
		3.2.3	x
		3.2.4	x
		3.2.5	x
		3.2.6	x
		3.2.7	x
	3.3. Năng lực định hướng	3.3.1	x
		3.3.2	x
		3.3.3	x
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	x
		3.4.2	x
		3.4.3	x
	3.5 Năng lực phát triển nghề	3.5.1	x
		3.5.2	x

	nghề nghiệp	3.5.3	x
		3.5.4	x
4 Năng lực nghề nghiệp	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	x
		4.1.2	x
		4.1.3	x
		4.1.4	x
	4.2. Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	x
		4.2.2	x
		4.2.3	x
	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	x
		4.3.2	x
		4.3.3	x
		4.3.4	x
		4.3.5	x
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	x
		4.4.2	x
		4.4.3	
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	x
		4.5.2	
		4.5.3	
4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1	x	
	4.6.2		
	4.6.3		

PHỤ LỤC 2
BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức														Kĩ năng												Năng lực tự chủ và trách nhiệm										
		Kiến thức đại cương					Kiến thức chuyên ngành									Kĩ năng cứng						Kĩ năng mềm																
		K Đ C 1	K Đ C 2	K Đ C 3	K Đ C 4	K Đ C 5	K T C 1	K T C 2	K T C 3	K T C 4	K T C 5	K T C 6	K T C 7	K T C 8	K T C 9	K T C 10	K N C 1	K N C 2	K N C 3	K N C 4	K N C 5	K N C 6	K N M 1	K N M 2	K N M 3	K N M 4	K N M 5	K N M 6	K N M 7	K N M 8	K N M 9	K N M 10	K N M 11	K N M 12	N L 1	N L 2	N L 3	
MN. MN.C N.02	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non						X	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu “x” tương ứng.